

Số:01/2024/QĐST-HNGĐ

Ngọc Lặc, ngày 20 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẶC TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Ông Phạm Xuân Thành.

- Thư ký phiên họp: Ông Lê Quý Hiếu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên họp: Ông Đỗ Văn Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 24/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2024 về việc yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật, theo Quyết định mở phiên họp giải quyết việc dân sự số 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Chị **Bùi Thị L**, sinh năm: 1997
Địa chỉ: **Thôn M, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.**

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh **Quách Văn Đ**; sinh năm 1991

Địa chỉ: **Thôn L, xã L, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.**

2. **UBND xã L, huyện N, tỉnh Thanh Hóa**

Người đại diện theo pháp luật: ông **Bùi Văn C** – Chủ tịch **UBND xã L, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.**

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông **Phạm Văn C1** – Phó Chủ tịch **UBND xã L, tỉnh Thanh Hóa.**

Người được ủy quyền lại: Bà **Quách Thị N** - Chức vụ công chức tư pháp hộ tịch **UBND xã L, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.**

3. Chị **Hoàng Thị Thúy T**, sinh năm 1996

Địa chỉ: **Tổ dân phố D, thị trấn Nông trường V, huyện B, tỉnh Quảng Bình.**

Tại phiên họp có mặt người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là **UBND xã L, huyện N, tỉnh Thanh Hóa**, bà **Quách Thị N** - CV Cán bộ tư pháp hộ tịch **UBND xã L, huyện N, tỉnh Thanh Hóa**, vắng mặt

chị **Bùi Thị L**, anh **Quách Văn Đ** và chị **Hoàng Thị Thúy T**, chị **L**, anh **Đ** và chị **T** đều có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên họp.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự chị **Bùi Thị L** trình bày: Chị và anh **Quách Văn Đ** tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn vào ngày 20/10/2014 tại **UBND xã L, huyện N, tỉnh Thanh Hóa**. Sau khi kết hôn được một thời gian ngắn do vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn nên cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Năm 2015, chị và anh **Đ** sống ly thân, trong thời gian đó chị và anh **Đ** cũng không còn liên lạc nhau, chị và anh **Đ** cũng không có con chung.

Đến năm 2024, chị được biết anh **Đ** đã lấy vợ mới tên **Hoàng Thị Thúy T**, sinh năm 1996. Địa chỉ tại **thị trấn Nông trường V, huyện B, tỉnh Quảng Bình**. Anh **Đ** và chị **T** đã được **UBND xã L, huyện N** cấp giấy đăng ký kết hôn số 12 ngày 06/12/2021 và hiện anh **Đ** và chị **T** đang có 01 người con chung tên **Quách Hoàng Gia P**, sinh ngày 05/01/2022. Do chị và anh **Đ** hiện vẫn đang là vợ chồng hợp pháp có giấy chứng nhận kết hôn số 28, ngày 20/10/2014 do **UBND xã L** cấp, chị và anh **Đ** chưa thực hiện việc ly hôn theo quy định pháp luật mà **UBND xã L** lại đăng ký kết hôn mới cho anh **Đ** và chị **T** là trái quy định pháp luật. Do đó, chị **L** yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh **Đ** và chị **T** theo giấy đăng ký kết hôn số 12 ngày 06/12/2021 do **UBND xã L, huyện N** cấp.

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan **UBND xã L** có lời trình bày như sau: Vào ngày 20/10/2014, **UBND xã L** đã làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật giữa anh **Quách Văn Đ** và chị **Bùi Thị L**. Tuy nhiên đến ngày 06/12/2021 thì **UBND xã L** lại tiếp tục cho đăng ký kết hôn giữa anh **Quách Văn Đ** và chị **Hoàng Thị Thúy T** trong khi anh **Đ** chưa làm thủ tục ly hôn với chị **Bùi Thị L**. Để dẫn đến việc kết hôn trái pháp luật trên có nguyên nhân khách quan và chủ quan như sau: Thứ nhất, do anh **Đ** khai tờ khai đăng ký kết hôn không trung thực trong quá trình đăng ký kết hôn lần hai tại **UBND xã L**; Thứ hai là do đồng chí công tác Tư pháp - hộ tịch của xã xin nghỉ thai sản từ ngày 01/10/2021 đến 31/3/2022 và được **UBND huyện N** biệt phái công chức tư pháp – hộ tịch từ xã khác nhận nhiệm vụ tại **xã L** trong thời gian công tác Tư pháp – Hộ tịch của xã nghỉ chế độ thai sản theo quy định. Do đó, đồng chí không nắm hết được các trường hợp trong xã chỉ tin tưởng theo lời khai của anh **Đ**; Thứ ba là do đồng chí Phó Chủ tịch UBND xã do tin tưởng tham mưu do đó không rà soát, kiểm tra lại nên đã ký ban hành giấy đăng ký kết hôn trái pháp luật cho anh **Đ** và chị **T**. Nguyên nhân khách quan: Năm 2021 tình hình **C2 -19** diễn ra rất phức tạp và nguy hiểm, **xã L** phải thực hiện theo chỉ thị 15 của Chính phủ về cách ly y tế do đó công chức Tư pháp – Hộ tịch không tổ chức xác minh tình trạng hôn nhân của anh **Đ** mà hoàn toàn tin tưởng vào lời khai của anh **Đ** để thực hiện việc đăng ký kết hôn cho anh **Đ** chị **T**.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ **UBND xã L** đã phát hiện ra trường hợp kết hôn trái pháp luật trên nên đã đề nghị ông **Lê Phi T1** công chức Tư pháp – Hộ tịch làm bản tường trình về việc tham mưu kết hôn trái pháp luật trên của anh **Đ**,

chị **T**. Đồng thời hướng dẫn chị **Bùi Thị L** khởi kiện ra Tòa án để yêu cầu tuyên hủy việc kết hôn trái pháp luật của anh **Đ**, chị **T**

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh **Quách Văn Đ** trình bày:* anh và chị **Bùi Thị L** kết hôn vào ngày 20/10/2014 tại **UBND xã L**. Sau khi kết hôn, anh và chị **L** sống với nhau được một thời gian ngắn thì sống ly thân từ cuối năm 2014 cho đến nay. Trong quá trình sống ly thân thì anh và chị **L** không có liên lạc với nhau và đến nay anh và chị **L** chưa làm thủ tục giải quyết ly hôn theo quy định pháp luật. Năm 2019 thì anh có quen biết chị **Hoàng Thị Thúy T** và tổ chức đám cưới, sau đó do cần làm giấy chứng nhận đăng ký kết hôn để làm giấy khai sinh cho con trai giữa anh và chị **T** nên anh đã lên **UBND xã L** nói trình báo gian dối là anh còn độc thân, chưa kết hôn lần nào đối với cán bộ tư pháp hộ tịch mới về làm, sau đó cán bộ tư pháp này hướng dẫn thủ tục cho anh đăng ký kết hôn với chị **T**, sau đó anh làm giấy khai sinh cho con chung giữa anh và chị **T** là cháu **Quách Hoàng Gia P**.

Nay chị **L** yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh và chị **T** thì anh cũng đồng ý vì anh xác định việc lỗi một phần là do anh đã khai báo gian dối với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký kết hôn lần hai với chị **T**.

Nếu Tòa án hủy việc kết hôn trái luật giữa anh và chị **T** thì anh yêu cầu giải quyết hậu quả của việc kết hôn trái luật giữa anh và chị **T** như sau: Về con chung: anh và chị **T** có 01 con chung tên **Quách Hoàng Gia P**, sinh ngày 05/01/2022. Do cháu **P** còn nhỏ nên anh đồng ý giao con chung cho chị **T** trực tiếp nuôi dưỡng và anh sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung hiện do anh và chị **T** không có tranh chấp nên không yêu cầu giải quyết.

*Người liên quan chị **Hoàng Thị Thúy T** có lời khai như sau:* Chị và anh **Quách Văn Đ** quen biết nhau vào năm 2020 và có đăng ký kết hôn tại **UBND xã L** theo giấy đăng ký kết hôn số 12 ngày 06/12/2021. Chị và anh **Đ** có 01 người con chung tên **Quách Hoàng Gia P**, sinh ngày 05/01/2022, hiện con chung đang sống với chị. Việc anh **Đ** và chị **Bùi Thị L** đã kết hôn trước đó thì chị hoàn toàn không biết. Sau khi chị và anh **Đ** kết hôn thì vợ chồng chung sống không hạnh phúc và đã không còn chung sống với nhau khoảng 02 năm nay do anh **Đ** là người mê cờ bạc và trai gái ở bên ngoài. Nay chị hoàn toàn thống nhất với yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị và anh **Đ**, do chị kết hôn với anh **Đ** là do anh **Đ** gian dối với chị và cơ quan có thẩm quyền. Nếu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị và anh **Đ** thì chị yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của việc kết hôn trái luật như sau: Chấm dứt quan hệ hôn nhân giữa chị và anh **Đ**. Về con chung: chị yêu cầu giao con chung cho chị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng và chị yêu cầu anh **Đ** phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do chị bận công việc và đường đi không thuận tiện nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt chị.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên họp: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết việc dân sự của Thẩm phán, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý việc dân sự cho đến khi Tòa án mở phiên họp giải quyết việc dân sự là

đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia phiên họp thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên họp: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị hoãn phiên họp để yêu cầu Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, tỉnh Thanh Hóa báo cáo giải trình và cung cấp tài liệu, chứng cứ sổ sách có liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn cho chị Bùi Thị L và anh Quách Văn Đ; cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn cho chị Hoàng Thị Thúy T và anh Quách Văn Đ.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét đơn yêu cầu của chị Bùi Thị L yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Quách Văn Đ và chị Hoàng Thị Thúy T là việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 29, điểm g khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên họp, Chị Bùi Thị L, anh Quách Văn Đ và chị Hoàng Thị Thúy T có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành giải quyết vắng mặt các đương sự trên.

[3] Về yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật: Căn cứ vào lời khai của các đương sự, các tài liệu chứng cứ do các sự cung cấp và do Tòa án thu thập được có đủ căn cứ xác định chị Bùi Thị L và anh Quách Văn Đ kết hôn với nhau tự nguyện và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện N theo Giấy chứng nhận kết hôn số 28 vào ngày 20/10/2014. Tuy nhiên đến ngày 06/12/2021 thì UBND xã L lại tiếp tục thực hiện cho đăng ký kết hôn giữa anh Quách Văn Đ và chị Hoàng Thị Thúy T. Tại thời điểm đăng ký kết hôn ngày 06/12/2021 thì anh Đ và chị Bùi Thị L chưa thực hiện thủ tục ly hôn tại Tòa án theo quy định pháp luật, nên hôn nhân giữa anh Đ và chị L là hôn nhân hợp pháp. Việc anh Đ đăng ký kết hôn với chị Hoàng Thị Thúy T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 12 ngày 06/12/2021 tại UBND xã L trong khi đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp với chị Bùi Thị L là vi phạm chế độ hôn nhân một vợ một chồng và quy định tại điểm c khoản 2 Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, tỉnh Thanh Hóa thực hiện việc đăng ký kết hôn cho anh Đ và chị T là không đúng quy định của pháp luật. Nay chị L yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Đ và chị T, xét đơn yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của chị L là có căn cứ phù hợp các Điều 10 và 11 của Luật Hôn nhân gia đình nên được chấp nhận.

[4] Về hậu quả của việc hủy kết hôn trái pháp luật: Khi việc kết hôn trái pháp luật bị hủy thì anh Quách Văn Đ và chị Hoàng Thị Thúy T phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng.

[5] Về con chung: Anh **Quách Văn Đ** và chị **Hoàng Thị Thúy T** có 01 con chung là **Quách Hoàng Gia P**, sinh ngày 05/01/2022. Hiện nay do con chung còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi nên giao con chung cho chị **T** được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con:

Xét yêu cầu của chị **T** yêu cầu anh **Đ** phải cấp dưỡng nuôi cháu **Quách Hoàng Gia P**, sinh ngày 05/01/2022 mỗi tháng là 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*). Anh **Đ** cũng đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị **T**. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu **Gia P**, căn cứ vào khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, anh **Quách Văn Đ** phải cấp dưỡng nuôi cháu **Quách Hoàng Gia P**, sinh ngày 05/01/2022 mỗi tháng là 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*), cho đến khi cháu **P** đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày ra quyết định.

[7] Về tài sản chung: anh **Quách Văn Đ** và chị **Hoàng Thị Thúy T** không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 11, khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Chị **L** không phải chịu lệ phí dân sự sơ thẩm.

[9] Xét yêu cầu của Viện kiểm sát: Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc có ý kiến, đề nghị Tòa án hoãn phiên họp để yêu cầu **Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, tỉnh Thanh Hóa** báo cáo giải trình và cung cấp tài liệu, chứng cứ sổ sách có liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn cho chị **Bùi Thị L** và anh **Quách Văn Đ**; cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn cho chị **Hoàng Thị Thúy T** và anh **Quách Văn Đ**. Đối với yêu cầu của đại diện Viện kiểm sát Tòa án nhận định như sau: Tại phiên họp Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc yêu cầu hoãn phiên họp mà không đưa ra căn cứ, quy định của pháp luật để chứng minh cho yêu cầu hoãn phiên họp. Trích lục kết hôn số 28 ngày 20 tháng 10 năm 2014 và trích lục kết hôn số 12 ngày 06 tháng 12 năm 2021 do đương sự cung cấp, có đầy đủ thông tin cụ thể của bản trích lục kết hôn được ban hành theo quy định, các tài liệu, chứng cứ do các bên đương sự cung cấp, các đương sự đều thừa nhận sự tồn tại và tính hợp pháp của hai giấy trích lục kết hôn trên và thống nhất yêu cầu Tòa án hủy giấy đăng ký kết hôn số 12 ngày 06 tháng 12 năm 2021 cấp cho anh **Quách Văn Đ** và chị **Hoàng Thị Thúy T** do trái pháp luật, đây là sự kiện pháp lý mà các bên đều thừa nhận nên không phải chứng minh. Do đó do yêu cầu của viện kiểm sát không phải là căn cứ để hoãn phiên họp nên Tòa án vẫn tiến hành phiên họp giải quyết việc dân sự theo đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 5, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27, Điều 35, Điều 39, Điều 149, Điều 367, 370, 371, 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 30 /12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của chị **Bùi Thị L**:

Về hôn nhân: Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh **Quách Văn Đ** và chị **Hoàng Thị Thúy T** theo giấy chứng nhận kết hôn số 12 ngày 06/12/2021 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Anh **Quách Văn Đ** và chị **Hoàng Thị Thúy T** phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng.

Về con chung: Giao con chung là **Quách Hoàng Gia P**, sinh ngày 05/01/2022 cho chị **T** được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh **Quách Văn Đ** cấp dưỡng nuôi con **Quách Hoàng Gia P**; sinh ngày 05/01/2022 mỗi tháng là 3.000.000đ (Ba triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày Tòa án ra quyết định.

Về tài sản chung: anh **Quách Văn Đ** và chị **Hoàng Thị Thúy T** không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chị **Bùi Thị L** không phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho chị **Bùi Thị L** số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: 0004245 ngày 10/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 10 ngày tính từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định đó được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ngọc Lặc;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã Lộc Thịnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Phạm Xuân Thành

